| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6 – NGHỆ AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 127/2026/ HNGĐ-ST
Ngày: 24.6.2026.
V/v "Tranh chấp Hôn nhân & gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NGHỆ AN**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - chủ toạ phiên toà*: Ông Ngô Văn Phú.
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hồ Sĩ Cường và Ông Nguyễn Bá Tấn.
***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Thuỷ Tiên - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 6, Nghệ An.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Nghệ An tham gia phiên tòa***: Bà Lại Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp Hôn nhân & gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 61/2026 ngày 02/6/2026 giữa:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Xóm H, xã B, tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại: H. 105,51373 L, D (Số A Phố H, 51373 thành phố L, Cộng hòa Liên bang Đ.) Có đơn đề nghị vắng mặt.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc H; Sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Xóm H, xã B, tỉnh Nghệ An. Nơi ở hiện nay: Đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (không rõ địa chỉ cụ thể). Vắng mặt.

**Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Ông Nguyễn Thế B; Sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Xóm I, xã B, tỉnh Nghệ An. Đều có đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quốc Hoa đăng K kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Nay là xã B, tỉnh Nghệ An) vào ngày 10/05/2012. Hôn nhân có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu và do khoảng cách địa lý xa

xôi gây khó khăn khi giải quyết việc gia đình, khiến cuộc sống hôn nhân bế tắc. Gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo nhưng không có kết quả. Bản thân bà L đã nhiều lần đề nghị ông H tiến hành thủ tục ly hôn nhưng ông H không đồng ý, nhiều lần trốn tránh và cố tình gây khó khăn, không cung cấp địa chỉ cụ thể của ông H đang ở nước ngoài trong quá trình làm thủ tục ly hôn nên bà không biết được địa chỉ cụ thể của ông H đang ở đâu. Nay bà L thấy cuộc hôn nhân của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Hiện bà không còn tình cảm với ông H nữa. Thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H để sớm ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang D1, sinh ngày 19/11/2013 và Nguyễn Nhã U, sinh ngày 05/11/2017. Hiện nay các cháu đang được ông, bà ngoại của hai cháu là ông Nguyễn Thế B, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1964 nuôi dưỡng, chăm sóc tại địa chỉ: Xóm I, xã B, tỉnh Nghệ An. Vì vậy khi ly hôn, bà L đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho bà được  trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu đến khi các con trưởng thành. Trong thời gian bà đang lao động tại nước ngoài, bà đã giữ các cháu cho ông bà ngoại nuôi dưỡng chăm sóc giúp đến khi bà trở về nuôi dưỡng để không làm ảnh hưởng xáo trộn đến cuộc sống của các cháu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu ông Nguyễn Quốc H cấp dưỡng nuôi con và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: Bà L tự nguyện chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nội dung đề nghị xem xét giải quyết khác:

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa giải quyết ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Quốc H. Bà L còn đề nghị trong quá trình Toà án giải quyết, bà ủy quyền đại diện cho Công ty L2 và cộng sự được cử Luật sư/nhân viên được nhân danh và đại diện cho bà nộp hồ sơ xin ly hôn, tạm ứng án phí, án phí và các chi phí tố tụng khác; được nhận thay hoàn lại tạm ứng án phí, án phí (nếu có); được thực hiện việc lập, ký, giao nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho; được nhận Bản án/quyết định ly hôn sau khi Tòa án giải quyết xong và bàn giao lại cho bà. Bà L cũng đề nghị Tòa án tiến hành xác minh và giải quyết vụ việc ly hôn của bà theo đúng quy định của pháp luật trong trường hợp ông Nguyễn Quốc H không hợp tác để bà sớm được ly hôn và ổn định cuộc sống. Bà L còn cam kết bà không thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý theo Luật Trợ giúp pháp lý và những nội dung bà đề nghị, lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai bà xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Ý kiến của bị đơn*: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Quốc H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì về việc ly hôn. Toà án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bị đơn yêu cầu trực tiếp có mặt tại

Toà án để giải quyết vụ án nhưng do bị đơn đang ở nước ngoài, gia đình người thân không cung cấp được địa chỉ nơi ở cụ thể nên vắng mặt. Toà án đã nhiều lần liên hệ trực tiếp với chính quyền địa phương và gia đình ông H để xác minh, tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn và yêu cầu bị đơn trực tiếp làm việc hoặc gửi bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình về nội dung xin ly hôn của nguyên đơn cho Tòa án biết. Các văn bản tố tụng gửi cho bị đơn được Tòa án tống đạt cho thân nhân và niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án. Sau khi xác minh thông tin của bị đơn thông qua người thân thì ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của bị đơn có cung cấp một số thông tin như: Việc con dâu xin ly hôn thì H và gia đình đã biết; gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc L xin ly hôn H và các văn bản khác của Toà án. Gia đình đã thông tin cho H biết, H cũng thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không có ý kiến gì. Gia đình không muốn các con ly hôn rồi tội các cháu còn nhỏ, hiện nay các cháu đang ở với ông bà ngoại tại xóm I, xã B, tỉnh Nghệ An. Việc ly hôn là do L và H quyết định chứ gia đình không mong muốn. Ông T còn cho biết thêm là vợ chồng mâu thuẫn đã lâu vào khoảng năm 2022 Toà án đã về hỏi gia đình hai lần rồi, sau đó không thấy nói gì. Còn về nội dung yêu cầu người thân cung cấp địa chỉ nơi cư trú, làm việc hiện nay của bị đơn gia đình chỉ biết H thường xuyên liên lạc với gia đình và chỉ biết hiện nay đang làm việc tại Đài Loan, H đi Đài Loan từ năm 2017 đến nay chưa về lần nào còn địa chỉ cụ thể thì không biết rõ.

Quá trình giải quyết vụ án đến ngày xét xử ông H không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Toà án hoặc có mặt tại Toà án mặc dù Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng đầy đủ hợp lệ cho bị đơn.

Tại các văn bản xác minh từ chính quyền địa phương và thân nhân của bị đơn cho biết: Bị đơn ông Nguyễn Quốc H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xóm X, xã B, tỉnh Nghệ An hiện bị đơn không có mặt tại địa phương, ông H hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể và bị đơn chỉ liên lạc thường xuyên về với gia đình qua điện thoại.

Tại công văn số 770/QLXNC - Đ1 ngày 24/02/2026 của Phòng Q - Công an tỉnh N cho biết ông Nguyễn Quốc H, sinh ngày 18/10/1987 xuất cảnh nhiều lần và lần xuất cảnh gần nhất vào ngày 16/11/2027 qua của khẩu Sân bay Quốc tế T bằng hộ chiếu B2666245 và C0063207 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

*Ý kiến của ông Nguyễn Thế B và bà Nguyễn Thị L1 là bố, mẹ đẻ của nguyên đơn là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Quá trình xác minh và thu thập tài liệu ông Nguyễn Thế B và bà Nguyễn Thị L1 là bố, mẹ đẻ của nguyên đơn cho biết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là con đẻ của ông, bà hiện không có mặt tại địa phương, bà L hiện đang ở nước ngoài theo địa chỉ như trong đơn khởi kiện là đúng. Việc bà L xin ly hôn thì ông H thì L cũng đã trao đổi với ông bà, gia đình cũng không muốn các cháu ly hôn. Còn việc chị L trước khi đi làm ăn xa có nhờ ông, bà chăm sóc, nuôi

dưỡng các cháu Nguyễn Quang D1 và Nguyễn Nhã U là con của L và H thì ông, bà đều nhất trí. Về tiền công sức chăm sóc nuôi dưỡng, cũng như các khoản chi phí khác để chăm sóc nuôi dưỡng các cháu từ trước đến nay ông, bà không yêu cầu, đòi hỏi gì, Ông bà đồng ý nhận chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi chị L về sẽ giao lại cho chị L thôi chứ ông, bà không yêu cầu, đòi hỏi quyền lợi gì cả.

Ngoài ra ông, bà còn cam kết thông tin ông, bà cung cấp là đúng sự thật và ông bà đề đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông, bà.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia các buổi làm việc, quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã thực hiện chưa đầy đủ và đúng các quyền và nghĩa vụ của mình được qui định tại các điều 70, 72 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn là đúng qui định.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 4, điều 207, điều 227, khoản 1 điều 228, điều 271, điều 273, điều 469, điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 123 và điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 4 và khoản 1 điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà L được ly hôn với ông H.

Về con chung: Giao cả 02 (hai) con chung của vợ chồng cho bà L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông H. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định.

Về chi phí tố tụng khác: Quá trình giải quyết vụ án có phát sinh chi phí giám định chữ ký và dấu vân tay theo yêu cầu giám định giám định của đương sự với số tiền 7.900.000 đồng (Bảy triệu chín trăm nghìn đồng). Số tiền này phía nguyên đơn đã cam kết chịu trách nhiệm, đã thanh toán xong và không yêu cầu gì thêm. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét và xác nhận nguyên đơn đã thanh toán xong toàn bộ số tiền chi phí giám định.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Vụ án Hôn nhân và Gia đình tuy không có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung. Nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ, tài liệu nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm Nguyên đơn xin ly hôn bị đơn cư trú tại xóm H, xã B, tỉnh Nghệ An và hiện đang ở nước ngoài. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An theo quy định tại Điều 28; điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục hòa giải: Do nguyên đơn bà L đã có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và hoà giải các quan hệ khác nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt nhưng thông qua người thân bị đơn không có ý kiến, nguyện vọng về việc giải quyết vụ án. Toà án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đầy đủ và hợp lệ và nguyên đơn cũng đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1,3 Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn và nguyên đơn. Như vậy, thấy đã có đủ căn cứ xác định bị đơn là ông Nguyễn Quốc H; Sinh năm: 1987 có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xóm H, xã B, tỉnh Nghệ An, tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đang ở nước ngoài và có liên hệ với thân nhân và không có yêu cầu phản tố gửi cho Tòa án để giải quyết tranh chấp theo đúng quy định nên Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quốc H là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 10/05/2012 tại UBND xã Đ, huyện Y (N là xã B), tỉnh Nghệ An. Hôn nhân có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu khiến cho cuộc sống hôn nhân bế tắc không có cách giải quyết. Bản thân bà L đã nhiều lần đề nghị ông H tiến hành thủ tục ly hôn nhưng ông H không đồng ý, nhiều lần trốn tránh và cố tình gây khó khăn.

Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân đã bế tắc trầm trọng không thể kéo dài, thực tế vợ chồng đã số ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H để sớm ổn định cuộc sống.

Như vậy, thực tế vợ chồng đã sống ly thân, ông H đi xuất khẩu lao động từ năm 2017 đến nay chưa về Việt Nam lần nào, thấy vợ chồng mỗi người sinh sống một nơi không còn quan tâm gắn kết gia đình với nhau nữa, bản thân bà L

đã dứt khoát ly hôn nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H theo qui định tại điều 56 Luật hôn nhân & gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang D1, sinh ngày 19/11/2013 và Nguyễn Nhã U, sinh ngày 05/11/2017.

Xét thấy, việc yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của bà L có cơ sở chấp nhận do hiện bị đơn đang ở nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung bằng bà L được nên Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung của vợ chồng cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì sẽ đảm bảo quyền lợi, thuận lợi và tốt hơn cho các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên toà không xét.

Về nội dung nguyện vọng cũng như thoả thuận giữa bà L và vợ chồng ông B, bà L1 về việc giữ (nhờ), trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và công sức chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi bà L trở về để không làm ảnh hưởng xáo trộn đến cuộc sống của các cháu. Hội đồng xét xử thấy thoả thuận này không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con theo qui định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trong thời gian vợ chồng bà L và ông H đang ở nước ngoài ông Nguyễn Thế B và bà Nguyễn Thị L1 là bố, mẹ đẻ của nguyên đơn và là ông, bà ngoại của các cháu Nguyễn Quang D1 và Nguyễn Nhã U do ông, bà ngoại trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông, bà ngoại đều không có yêu cầu, đòi hỏi gì về tiền công sức chăm sóc nuôi dưỡng, cũng như các khoản chi phí khác để chăm sóc nuôi dưỡng các cháu từ trước đến nay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban T1 vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định tại các điều 271, 273 và điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 4, điều 207, điều 227, khoản 1 điều 228, điều 271, điều 273, điều 469, điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84, điều 123 và điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 4 và khoản 1 điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

1.1.Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H.

1.2.Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là Nguyễn Quang D1, sinh ngày 19/11/2013 và Nguyễn Nhã U, sinh ngày 05/11/2017 cho bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà L cho ông Nguyễn Quốc H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quốc H đều không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2.Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí của bà L được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001338 ngày 03/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự ông Nguyễn Thế B và bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quốc H đều vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An (phòng THADS Khu vực 6 – Nghệ An);
- UBND xã Bình Minh, tỉnh Nghệ An
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Phú**